

MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN QUỐC SỬ*

Công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua hơn 36 năm đổi mới đã đạt những thành tựu quan trọng, đặc biệt là hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc để tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân (trong đó, bảo đảm các yêu cầu sau: (1) Dân chủ và chủ quyền Nhân dân là yêu cầu nền tảng cho việc hoàn thiện thể chế Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; (2) Quyền con người, quyền công dân là yêu cầu quan trọng đối với việc hoàn thiện thể chế Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; (3) Yêu cầu về tính thống nhất, sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong hoàn thiện thể chế Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; (4) Yêu cầu về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với quá trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa).

Từ khóa: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; yêu cầu hoàn thiện thể chế; của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; xu thế của thời đại mới.

After 36 years of renovation, the building of a socialist rule-of-law state of Viet Nam has gained important achievements, especially in completing the legislation system and the mechanism for strict, consistent law enforcement. The guaranteed sovereignty of the Constitution and the law provides a solid legal basis for promoting democracy and ensuring that all state power belongs to the people (ensuring the following requirements: (1) Democracy and People's sovereignty, a fundamental requirement for completing the institutions of the socialist rule-of-law State; (2) Human rights and citizen's rights, an important requirement for completing the institutions of the socialist rule-of-law State; (3) Unity, assignment, coordination, and control of power in completing the institutions of the socialist rule-of-law State; (4) The leading role of the Communist Party of Viet Nam in completing the socialist rule-of-law State).

Keywords: The socialist rule-of-law State; requirements for completing the institutions; of the People, by the People, and for the People; trend of the new era.

NGÀY NHẬN: 20/12/2022

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 10/01/2023

NGÀY DUYỆT: 16/02/2023

1. Đặt vấn đề

Đất nước ta đã và đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và

hội nhập quốc tế cùng với nhiều cơ hội nhưng cũng đầy những khó khăn, thách thức

* PGS.TS, Học viện Hành chính Quốc gia

đan xen. Trong bối cảnh này, yêu cầu đặt ra cấp thiết hiện nay là cần tiếp tục hoàn thiện thể chế Nhà nước pháp quyền (NNPQ) xã hội chủ nghĩa (XHCN) của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Theo đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII (viết tắt là Nghị quyết 27), đã chỉ rõ đến năm 2030: “Hoàn thiện cơ bản các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thượng tôn *Hiến pháp* và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội. Hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán. Hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, được kiểm soát hiệu quả”.

2. Yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện thể chế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời đại mới

Thứ nhất, về dân chủ và chủ quyền nhân dân là yêu cầu nền tảng cho việc hoàn thiện thể chế NNPQ XHCN. Nguyên tắc chủ đạo của chế độ pháp quyền là nguyên tắc về sự tối thượng của *Hiến pháp*, là thể hiện sự khẳng định chủ quyền của Nhân dân, quyền của Nhân dân kiểm soát Nhà nước. Nhà nước chịu sự ràng buộc của *Hiến pháp* là chịu sự ràng buộc của Nhân dân. Quyền của Nhân dân đối với Nhà nước là quyền của chủ nhân thực hiện quyền kiểm soát và giám sát người được giao quyền, được ủy quyền. Đó là một nguyên lý chắc chắn không thể nghi ngờ hoặc tranh cãi.

Là biểu tượng và hiện thân pháp lý của quyền lực nhân dân và quyền kiểm soát của Nhân dân đối với các cơ quan nhà nước,

Hiến pháp mang trong mình những tố chất đặc biệt. Điều đó giải thích vì sao không một cá nhân có quyền lực nào, không một cơ quan quyền lực nào của Nhà nước, kể cả Quốc hội lại được đứng trên *Hiến pháp*, không được quyền tùy tiện sửa đổi *Hiến pháp* mà không theo một quy trình bảo đảm sự đồng thuận, sự thể hiện ý chí của Nhân dân (trung cầu ý dân, thảo luận toàn dân, phán quyết của Nhân dân...). *Hiến pháp* năm 2013 đã thực sự tạo cơ sở pháp lý vững chắc để tiếp tục phát huy dân chủ XHCN, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. *Hiến pháp* đặt nền tảng cho việc hoàn thiện chế định bầu cử - hình thức dân chủ cao nhất, để cử tri thực hiện đầy đủ hơn, thực chất hơn quyền bầu cử và đề cao trách nhiệm của đại biểu dân cử, coi trọng mối liên hệ giữa đại biểu với cử tri, thực hiện quyền bãi nhiệm đại biểu của cử tri tạo cơ chế để cử tri giám sát đại biểu. Theo đó, *Hiến pháp* đã thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia, một thiết chế Hiến định độc lập để phục vụ cho mục đích này, tạo bước đổi mới mạnh mẽ về bầu cử.

Quy định cụ thể hơn các quyền tự do dân chủ của công dân, như: quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình; quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý; xác định rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.

Nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước, mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân. Lần đầu tiên, *Hiến pháp* năm 2013 quy định “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp” được ghi nhận và phát triển thành

nguyên tắc trong *Hiến pháp*. Theo đó, Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước (Điều 6). Các hình thức thể hiện dân chủ trực tiếp khá đa dạng, thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau: một số hình thức dân chủ trực tiếp quan trọng nhất như bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý nhà nước và xã hội, trưng cầu ý dân đã được quy định ngay trong *Hiến pháp* thể hiện trong các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ quan của công dân. Đây là một hình thức dân chủ trực tiếp quan trọng, vì *một mặt*, bảo đảm quyền của Nhân dân với tư cách là chủ thể của QLNN, *mặt khác*, bảo đảm cho các quyết định về các vấn đề hệ trọng của đất nước được thông qua một cách dân chủ hơn, cẩn trọng hơn, chính đáng hơn. Quy định này cũng thể hiện bản chất dân chủ của Nhà nước ta, thể hiện quyền công dân trong việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Việc trưng cầu ý dân về *Hiến pháp* do Quốc hội quyết định (Điều 120), cho thấy sự kết hợp giữa thẩm quyền của Quốc hội và quyền của Nhân dân trong việc xây dựng *Hiến pháp*, rất phù hợp với thực tiễn của nước ta. *Hiến pháp* đã thể hiện ý chí và trí tuệ của Nhân dân nên quy định Quốc hội quyết định việc trưng cầu ý dân về *Hiến pháp* là một quy định hợp lý trong bối cảnh nước ta hiện nay. Nghị quyết 27 của Đảng cũng đã đề ra nhiệm vụ: “Thể chế hóa đầy đủ và thực hiện đúng đắn, hiệu quả cơ chế Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở. Tổng kết việc thực hiện và nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp luật theo hướng phát huy tốt hơn các hình thức dân chủ trực tiếp của Nhân dân; có cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của Nhân dân tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả

nước; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết, phản hồi ý kiến, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của Nhân dân”. Nhằm bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, thượng tôn *Hiến pháp* và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người (QCN), quyền công dân (QCD).

Thứ hai, QCN, QCD là yêu cầu quan trọng đối với việc hoàn thiện thể chế NN PQ XHCN. Quan điểm chủ đạo của Đảng và Nhà nước ta là sửa đổi, bổ sung *Hiến pháp* nhằm tiếp tục phát huy nhân tố con người, thể chế hóa sâu sắc hơn quan điểm về tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ QCN như một định hướng mục tiêu của NN PQ XHCN. Chương II của *Hiến pháp* năm 2013 ghi nhận quá trình tiếp nhận các giá trị cơ bản của cộng đồng quốc tế về tôn trọng và bảo vệ QCN. Và phản ánh rõ nét qua những yếu tố sau đây:

(1) Phân biệt QCN và QCD trên cơ sở thừa nhận tính phổ quát của QCN so với QCD. Điều mới này đã giúp khắc phục được sự thiếu rõ ràng trong quy định của Điều 50 *Hiến pháp* năm 1992.

(2) Xác định rõ trường hợp hạn chế QCN, QCD và đòi hỏi căn cứ pháp lý cao nhất đối với sự hạn chế đó. Theo đó, “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” (khoản 2 Điều 14). Việc quy định này nhằm hạn chế sự tùy tiện áp dụng pháp luật của người thi hành công vụ nhằm bảo đảm QCD, QCN trong NN PQ.

(3) Quy định công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác, Nhà nước bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

(4) Bổ sung các quyền như quyền sống, quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác, việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể phải được người đó đồng ý;

quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình, quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, tiếp cận các giá trị văn hóa; quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

(5) Làm rõ hơn, chuẩn xác hơn và phong phú hơn nội dung một số quyền và tự do trước đây đã được đề cập nhưng chưa rõ, chưa chính xác, chưa đầy đủ so với các chuẩn mực pháp lý quốc tế và thực tiễn ở nước ta. Theo đó, lần đầu tiên ở nước ta đã Hiến định đầy đủ nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội đối với người bị buộc tội hình sự. Đây là nguyên tắc “kinh điển” nhất của tố tụng hình sự được ghi nhận trong nhiều văn kiện quốc tế quan trọng như Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 (Điều 11.1); Công ước của Liên hiệp quốc về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (khoản 2 Điều 14). Đặc biệt, bản Tuyên ngôn nêu trên đã coi nguyên tắc này là “phẩm giá của văn minh nhân loại”.

Đáng chú ý, thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp với quan điểm xuyên suốt và nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về sứ mệnh và vị trí của các cơ quan tư pháp trong NNQP XHCN, *Hiến pháp* năm 2013 đã tạo ra những cơ sở pháp lý mới cao nhất về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Cùng với việc xác định Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp, sứ mệnh của Tòa án nhân dân được xác định là bảo vệ công lý, bảo vệ QCN, QCD, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đây là những điểm mới có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử lập hiến Việt Nam, khẳng định những nguyên tắc của một nền tư pháp hiện đại, như: nguyên tắc hai cấp xét xử mà thực

chất là một bảo đảm để thúc đẩy quyền của người bị buộc tội được yêu cầu xem xét lại bản án; nguyên tắc về quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự; nguyên tắc về sự tham gia xét xử của Hội thẩm nhân dân. Đây là những nguyên tắc phản ánh tính dân chủ và đề cao quyền tiếp cận công lý của người dân, lấy người dân là trung tâm, coi hạnh phúc của Nhân dân là mục tiêu cao nhất, thúc đẩy Nhà nước xây dựng, triển khai thực hiện luật pháp, chính sách phù hợp, hiệu quả và cụ thể nhằm bảo đảm QCN, QCD.

Thứ ba, yêu cầu về tính thống nhất, sự phân công phối hợp và kiểm soát quyền lực trong hoàn thiện thể chế NNQP XHCN. Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước ta được xác định bởi 4 nội dung quan trọng, như: *thống nhất quyền lực, phân công quyền lực, phối hợp quyền lực, kiểm soát quyền lực*. Tính thống nhất của quyền lực nhà nước được xác định bởi chính chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực là Nhân dân. Quyền lực tập trung ở Nhân dân, Nhân dân ủy quyền cho bộ máy nhà nước những phạm vi quyền hạn nhất định. Bản chất của nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta là phân công gắn liền với phối hợp và sự kiểm soát quyền lực không nhằm tạo nên sự đối trọng (trong không ít trường hợp là sự đối đầu giữa các nhánh quyền lực dẫn đến nguy cơ làm tê liệt hoạt động của bộ máy nhà nước như đã xảy ra ở một số nước theo tam quyền phân lập) mà chủ yếu là điều kiện để thực hiện tốt sự phân công, sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất.

Bộ máy nhà nước theo *Hiến pháp* năm 1992 được thiết lập theo cách tiếp cận nguyên tắc tổ chức QLNN như vậy là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm chính trị nước ta. Việc bổ sung nội dung kiểm soát QLNN vào nguyên tắc này là một bước hoàn thiện quan trọng. Tuy nhiên, việc bổ sung này hoàn toàn

không đặt ra nhu cầu phải tái cấu trúc lại bộ máy nhà nước để thực hiện việc kiểm soát quyền lực nhà nước như một số ý kiến đã nêu ra trong quá trình thảo luận về mô hình tổ chức bộ máy nhà nước trong dự thảo sửa đổi *Hiến pháp*. Việc bổ sung này vẫn tiếp tục khẳng định tính phù hợp của mô hình tổ chức bộ máy nhà nước đã được khẳng định trong *Hiến pháp* hiện hành và tiếp tục kế thừa trong *Hiến pháp* sửa đổi. Tuy nhiên, để thực hiện được mục tiêu kiểm soát quyền lực, cần thiết phải điều chỉnh lại một số nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, qua đó hoàn thiện mối quan hệ quyền lực giữa các cơ quan này để vừa bảo đảm sự thống nhất của bộ máy nhà nước, vừa bảo đảm vị trí, vai trò của từng thiết chế quyền lực từ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương đến các thiết chế Hiến định độc lập.

Song song việc điều chỉnh lại một số thẩm quyền, nhiệm vụ của các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, *Hiến pháp* sửa đổi đã hiến định một số thiết chế độc lập, như: Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước nhằm tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực trong bộ máy nhà nước. Việc bổ sung các thiết chế Hiến định độc lập trong *Hiến pháp* sửa đổi vừa là một bước hoàn thiện quan trọng trong việc bảo đảm tính ổn định của mô hình tổng thể bộ máy nhà nước hiện hành, vừa là một bước phát triển của bộ máy nhằm đáp ứng một cách hiệu quả yêu cầu của chế độ pháp quyền trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Nghị quyết số 27 cũng đưa ra yêu cầu mới và rất rõ ràng về cơ chế kiểm soát quyền lực: “Mọi quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ bằng cơ chế, phải được ràng buộc bằng trách nhiệm, quyền lực đến đâu trách nhiệm đến đó, quyền lực càng cao trách nhiệm càng lớn; lạm dụng, lợi dụng quyền lực phải bị truy cứu trách nhiệm và xử lý. Kiểm soát

quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức”¹.

Thứ tư, yêu cầu về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với quá trình hoàn thiện NNPPQ XHCN. Điểm mới đặc biệt quan trọng trong quy định về sự lãnh đạo của Đảng trong *Hiến pháp* năm 2013 thể hiện ở quy định tại khoản 2 Điều 4, xác định rõ trách nhiệm của Đảng trong mối liên hệ với Nhân dân, nhấn mạnh Đảng phải gắn bó mật thiết với Nhân dân, phải phục vụ Nhân dân, phải chịu sự giám sát của Nhân dân và phải chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình nếu như những quyết định đó ảnh hưởng đến lợi ích Quốc gia, dân tộc. Đồng thời, cũng để Nhân dân có thể giám sát được tổ chức và hoạt động của Đảng, có thể quy trách nhiệm rõ ràng cho Đảng. Quy định *Hiến pháp* về sự giám sát của Nhân dân đối với Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng cầm quyền có ý nghĩa to lớn trên phương diện chính trị - pháp lý: *một mặt*, Đảng tôn trọng quyền lực của Nhân dân, tự đặt mình dưới sự giám sát của Nhân dân.

Mặc dù ở vị trí của một Đảng cầm quyền nhưng Đảng không đứng trên Nhân dân, không đứng trên *Hiến pháp* và pháp luật mà luôn tự đặt mình trong sự kiểm soát của Nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ *Hiến pháp* và pháp luật; *mặt khác*, quy định này đặt ra sự cần thiết phải xây dựng một cơ chế phù hợp và các hình thức và phương thức cụ thể để Nhân dân có thể thực hiện được quyền giám sát của mình đối với hoạt động của các tổ chức Đảng và đảng viên.

Một trong những bổ sung quan trọng quy định về Đảng Cộng sản Việt Nam ở *Hiến pháp* cần được nhấn mạnh và quán triệt, đó là Đảng “chịu trách nhiệm trước nhân dân về các quyết định của mình”. Có thể thấy rằng, đây là lần đầu tiên vấn đề trách nhiệm của Đảng được quy định ở tầm *Hiến pháp*. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, chịu trách

nhiệm về sự lãnh đạo của mình là một lẽ đương nhiên, bởi quyền lãnh đạo phải luôn gắn liền với trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm trước kết quả lãnh đạo và thậm chí là trước hậu quả lãnh đạo. Tuy nhiên, việc chịu trách nhiệm không phải lúc nào cũng được ý thức và tự giác tuân theo. Với quy định *Hiến pháp*, trách nhiệm của mỗi tổ chức Đảng trước mỗi quyết định của mình được xác định minh bạch. *Hiến pháp* không quy định một cách chung nhất theo hướng “Đảng chịu trách nhiệm về sự lãnh đạo của mình” mà theo hướng “chịu trách nhiệm về các quyết định của mình”. Cách quy định này cho phép cụ thể hóa trách nhiệm cho từng quyết định của từng tổ chức Đảng, khắc phục tình trạng trách nhiệm chung chung, khó xác định trong thực tiễn.

Đảng chịu trách nhiệm trước Nhân dân trước hết và quan trọng nhất là trách nhiệm chính trị. Trách nhiệm đó sẽ được xác định bởi mức độ tín nhiệm chính trị của Nhân dân đối với Đảng, bởi mức độ ủng hộ các quyết định cụ thể của Đảng trong thực tiễn. Chỉ số niềm tin, chỉ số ủng hộ hay phản đối các quyết định của các tổ chức Đảng trong quá trình lãnh đạo sẽ là căn cứ để lãnh đạo xác định mức độ chịu trách nhiệm cụ thể của từng cấp ủy Đảng, từng cá nhân cụ thể trong các trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, để quy định của *Hiến pháp* về trách nhiệm của Đảng mang được ý nghĩa khả thi trên thực tiễn, cần nghiên cứu để luật hóa trách nhiệm này trong các đạo luật liên quan, tạo cơ sở pháp lý để đề cao trách nhiệm của Đảng, xác định trách nhiệm của từng cấp ủy Đảng, của người đứng đầu cấp ủy trong việc ban hành chủ trương, quyết định liên quan đến các mặt của đời sống kinh tế - xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Do đó, cần tiếp tục: “Hoàn thiện cơ chế để phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, các quy định cụ thể để tăng cường và bảo

đảm Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; bảo đảm các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ *Hiến pháp* và pháp luật, thực sự gương mẫu, đi đầu trong việc tuân thủ *Hiến pháp* và pháp luật” theo như nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết 27.

3. Kết luận

Trong thực tiễn, việc xây dựng và hoàn thiện thể chế NN PQ XHCN của chúng ta luôn là vấn đề trọng tâm, cấp bách mà được Đảng quan tâm rất lớn đến tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế này, trong đó tuyệt đối không cho phép sao chép, rập khuôn các giá trị và mô hình xây dựng của các nước phương Tây với các mô hình và thể chế chính trị khác.

Cần phải bảo đảm nguyên lý của mối quan hệ giữa đảng cầm quyền và NN PQ. Vì vậy, để hoàn thiện thể chế NN PQ XHCN trong xu thế của thời đại mới, yêu cầu đặt ra cần có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn *Hiến pháp* và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả QCN, QCD; quyền lực nhà nước là thống nhất, được phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng XHCN vào năm 2045²□

Chú thích:

1, 2. *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022, Hội nghị Trung ương 6 (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.*

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I, II*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.

2. *Hiến pháp* năm 1992 và 2013.